TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2019
"*V/v Không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và bà Hứa Thị Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2019/HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1968. Có mặt
Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông;
Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc D – sinh năm 1960. Có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2019 và trong quá trìnhgiải quyết bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L và ông D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến nay, không Đăng ký kết hôn, nhưng có làm thủ tục đám cưới có sự chứng kiến của hai bên họ hàng, gia đình vào khoảng tháng 8 năm 1987. Khi đến với nhau hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, tuy nhiên do không am hiểu pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông D mỗi lần uống rượu thích gây sự rồi

đánh đập bà L rất nhiều lần, bà L đã nhiều lần khuyên bảo ông D nhưng ông không thay đổi, hơn nữa ông D hay đi hát karaoke ôm, không ở nhà lo cho gia đình. Nay bà L xét thấy không còn tình cảm với ông D và không thể sống chung với ông D nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông D.

Quá trình chung sống bà L và ông D có 06 con chung gồm: Huỳnh Ngọc D, sinh năm: 1989; Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 12/3/1991; Huỳnh Ngọc Th, sinh năm: 1993; Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 24/3/1995; Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 17/12/1997 và Huỳnh Tấn C, sinh ngày 15/3/2003. Nay bà L đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận bà L và ông D là vợ chồng.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các con Huỳnh Ngọc D, sinh ngày: 10/3/1989; Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 12/3/1991; Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày: 15/7/1992; Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 24/3/1995; Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 17/12/1997 đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Huỳnh Tấn C, sinh ngày 15/3/2003 bà L xin nhường cho ông D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và bà L không phải cấp dưỡng nuôi cháu C.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Ngọc D trình bày: Ông D thừa nhận lời trình bày của bà L về quá trình chung sống của ông D và bà L và vấn đề con chung là đúng. Ông D và bà L đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, tuy nhiên do không am hiểu pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng thì chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Nay tôi không còn tình cảm với bà L nữa, vì vậy ông D yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với bà L.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông đồng ý yêu cầu của bà L về việc nuôi cháu Huỳnh Tấn C, sinh ngày 15/3/2003 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu C. Còn các cháu Huỳnh Ngọc D, sinh ngày: 10/3/1989; Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 12/3/1991; Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày: 15/7/1992; Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 24/3/1995; Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 17/12/1997 đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Huỳnh Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Việc

chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện VKSND huyện Đăk Song đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu không công nhận bà L và ông D là vợ chồng.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy khai sinh của cháu Huỳnh Tấn Cường *(Bản sao)*; 01 sổ hộ khẩu gia đình và 06 giấy chứng minh nhân dân của 06 con chung *(Phô tô chứng thực)* đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất nên không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện ông Huỳnh Ngọc D về tranh chấp *"Không công nhận vợ chồng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện chung sống từ năm 1987 đến nay, tuy đủ điều kiện để kết hôn nhưng ông D và bà L không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Qúa trình chung sống ông bà hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông D mỗi lần uống rượu thích gây sự rồi đánh đập bà L rất nhiều lần, bà L đã nhiều lần khuyên bảo ông D nhưng ông không thay đổi. Nay cả hai xác nhận tình cảm dành cho nhau không còn, do đó bà L và ông D đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông D không hợp pháp. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa bà L và ông D.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L và ông D thống nhất thỏa thuận: Ông D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Tấn C, sinh ngày 15/3/2003 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu C. Còn các cháu Huỳnh Ngọc D, sinh ngày: 10/3/1989; Huỳnh Ngọc V, sinh ngày 12/3/1991; Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày: 15/7/1992; Huỳnh Ngọc S, sinh ngày 24/3/1995; Huỳnh Ngọc B, sinh ngày 17/12/1997 đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11; Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật Hôn gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Ngọc D là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Ngọc D: giao cháu Huỳnh Tấn C, sinh ngày 15/3/2003 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành *(đủ 18 tuổi)*.

Bà L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc cháu Cường mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền cản trở bà L thực hiện quyền này.

Trrường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Vê tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L đã nộp theo biên lai số 0004523 ngày 28/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Đăk Song;*
- *Chi cục THA huyện Đăk Song;*
- *Các đương sự;*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thanh Phong